

Rừng nước ta ẩn chứa hàng vạn loài thực vật, hàng ngàn loài động vật, trong đó có nhiều loài đặc hữu. Nhà nước đã đầu tư không ít vật tư, tài lực để phát triển rừng, thế nhưng do thiếu ý thức và phương tiện, mỗi năm hàng chục ngàn hecta rừng bị thiêu cháy, nhiều loài động thực vật mất theo. Mùa khô đang diễn ra, thời kỳ này rất hay xảy ra cháy rừng, để phòng chống cháy rừng, bảo vệ tính đa dạng sinh học, tác giả bài viết đã đề ra những kiến nghị. Theo chúng tôi những kiến nghị này cần các cấp, các ngành có liên quan giải quyết.

TÍNH ĐA DẠNG SINH HỌC CỦA RỪNG VÀ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CHÁY RỪNG

TS PHẠM NGỌC HƯNG

Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn

Việt Nam có khoảng 10 triệu hecta đất có rừng bao gồm rừng tự nhiên 8910800 ha, rừng trồng 1004200 ha. Hệ thực vật, động vật rừng còn đa dạng và phong phú về chủng loại. Một dải rộng các thảm thực vật bao gồm nhiều kiểu rừng đã được hình thành, như rừng thông chiếm ưu thế ở vùng ôn đới và cận nhiệt đới, rừng hỗn loài lá kim và lá rộng, rừng khô cây họ dầu ở các tỉnh vùng cao, rừng họ dầu địa hình thấp, hệ sinh thái rừng tràm ở Nam Bộ và rừng hỗn loài tre, nứa, vầu ... đều là loại rừng dễ cháy. Ngoài ra còn gần 10 triệu hecta đất trống đồi trọc có cỏ tranh lau lách, cây lùm bụi, hàng năm đến vụ khô hanh bị khô cỏ cũng xảy ra cháy gây tổn thất lớn về tài nguyên và môi trường.

Rừng nước ta rất đa dạng về sinh vật. Cho đến nay đã thống kê được 7000 loài thực vật bậc cao có mạch, khoảng 800 loài rêu và 600 loài nấm. Theo dự đoán của các nhà thực vật học số loài ít nhất sẽ lên đến 12000 loài, trong đó có khoảng 2300 loài đã

được các cộng đồng dân cư dùng làm nguồn lương thực, thực phẩm, làm thuốc chữa bệnh, thức ăn cho người và gia súc, lấy gỗ, tinh dầu, làm hàng mỹ nghệ và nhiều nguyên liệu khác. Mặt khác hệ thực vật của rừng có mức độ đặc hữu cao. Có khoảng 3% số chi là đặc hữu. Số loài đặc hữu chiếm đến khoảng 10% số loài. Tập trung ở 3 khu vực chính: Khu vực núi cao Hoàng Liên Sơn, khu vực núi cao Ngọc Linh ở miền Trung cao nguyên Lâm Viên và khu vực rừng ẩm ở Bắc Trung Bộ giáp Lào. Kéo dài theo biên giới giáp giới 3 nước láng giềng (3730 km), trong đó giáp với Trung Quốc 1150 km; Lào 1650 km; Campuchia 932 km. Ngoài ra, những năm gần đây diện tích rừng trồng được tăng lên mỗi năm có nhiều loài cây có giá trị kinh tế cao được trồng mới làm tăng tính đa dạng sinh học của rừng như: Thông, bạch đàn, keo các loại, lát, tếch, giổi, mỡ, bồ đề, mấm, bầu, tràm, đước, tre, nứa... Hệ động vật rừng cũng hết sức phong phú. Hiện đã thống kê được 275 loài

thú, 826 loài chim, 180 loài bò sát, 80 loài ếch nhái, 471 loài cá nước ngọt, khoảng 2000 loài cá biển, thêm vào đó có hàng chục ngàn loài động vật không xương sống ở cạn, ở vùng rừng ven biển và rừng nước phèn. Hệ động vật rừng Việt Nam không những giàu về thành phần loài mà còn có nhiều nét độc đáo, đại diện cho vùng Đông Nam Á. Động

vật Việt Nam có nhiều loài đặc hữu, với hơn một trăm loài và phân loài thú là đặc hữu. Có rất nhiều loài động vật có giá trị cao và nhiều loài có ý nghĩa lớn về bảo vệ như voi, tê giác, bò rừng, bò tót, trâu rừng, bò xám, hổ, báo, hươu sao, nai cà tông, cu ly, vượn, voọc vá, voọc đầu xám, voọc mũi hếch, sếu cổ trụi, cò quăm cánh xanh, cò quăm lớn, ngan cánh trắng, nhiều loài trĩ, cá sấu, rắn, rùa v.v...

Theo tài liệu "Xem lại hệ thống các khu bảo vệ rừng Đông Dương - Mã Lai" của IUCN/CNPPA (Review of the Protected Areas System in the Indo - Malayan Realm, Mackinnon, 1986) thì Việt Nam khá giàu về thành phần loài và có mức độ cao về tính đặc hữu so với các nước trong vùng phụ Đông Dương. Trong vùng phụ này có 21 loài khi thì ở Việt Nam có 15 loài, trong đó có 7 loài đặc hữu. Có 49 loài chim đặc hữu trong vùng phụ, Việt Nam có 33 loài, trong đó có 11 loài đặc hữu của Việt Nam.

Khi xem xét, đánh giá về sự phân bố của các loài ở phân vùng Đông Dương nói chung số loài thú, chim và các hệ sinh thái đang có nguy cơ bị tiêu diệt nói riêng và sự phân bố của chúng, chúng ta nhận thấy rằng Việt Nam là một trong những vùng xứng đáng được ưu tiên cao về vấn đề bảo vệ. Không những thế, hiện nay ở Việt Nam vẫn còn có những phát hiện mới rất có giá trị. Chỉ trong 2 năm vừa qua, Việt Nam đã phát hiện được hai loài thú lớn ở vùng Vũ Quang thuộc Hà Tĩnh là loài sao la và loài mang lớn hay còn gọi là loài mang bản (kỳ thương) và đồng thời cũng là hai giống (chi) mới cho khoa học nơi mà trước đây không lâu đã phát hiện loài trĩ cuối cùng trên thế giới là loài trĩ Hà Tĩnh hay còn gọi là gà lừng. Tháng 10 năm 1994 một loài thú lớn mới nữa đã tìm thấy ở Tây Nguyên tên khoa học là *Pseudobos spiralis*, Việt Nam tạm đặt tên là loài bò sừng xoắn.

Nguồn lợi thiên nhiên của rừng Việt Nam rất phong phú, đa dạng về thực vật và động vật, có giá trị to lớn nhiều mặt về kinh tế, xã hội, môi trường sinh thái, cảnh quan du lịch, nghiên cứu khoa học. Nhưng rừng đã và đang bị thu hẹp nhanh chóng do nạn tàn phá, lửa rừng gây ra. Hàng năm, nhiều vụ cháy rừng lớn xảy ra trong mùa khô nóng, hạn kiệt kéo dài 5 đến 6 tháng từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau đối với các tỉnh phía Bắc, Tây Nguyên, miền Đông, miền Tây Nam Bộ. Và mùa gió tây khô nóng ở Duyên hải miền Trung kéo dài từ tháng 4 đến tháng 8. Nguồn vật liệu bị khô cỏ dễ xảy ra cháy lớn. Như vụ cháy rừng xảy ra ở Kiên Giang, Cà Mau năm 1976-1977 làm thiêu trụi 43 000 ha rừng tràm. Rừng thông Lâm Đồng, Quảng Ninh, mùa khô 1980-1981 cháy

trên 15000 ha thông đang khai thác nhựa. Từ năm 1965 lại đây bình quân mỗi năm cháy 40000-50000 ha rừng có giá trị kinh tế, phòng hộ. Nạn cháy rừng đã làm co hẹp nhanh chóng nguồn tài nguyên thực vật, động vật rừng. Nó là nỗi kinh hoàng của loài người nói chung, Việt Nam nói riêng mà sự thiệt hại không thể lường được. Ngoài khối lượng vật chất khổng lồ bị tiêu tan trong chốc lát, còn làm khô cứng và mất hẳn tính đa dạng của rừng và đất rừng. Đặc biệt làm mất các loài vi khuẩn làm giàu đất mà thiên nhiên phải trải qua vận động hàng triệu, triệu năm mới tạo nên được. Nhiều vùng sát biên giới Trung Quốc, Lào và Campuchia, rừng bị cháy đi cháy lại nhiều lần nay đã trở thành vùng hoang mạc cỏ tranh, làm cho đồng bào thiếu nguồn nước sinh hoạt, mất nước cây cối, lũ lụt, xói mòn, rửa trôi. Bà con các dân tộc phải rời bỏ làng bản di cư đi nơi khác để kiếm sống. Cháy rừng làm mất môi trường sinh sống của các loài động vật, chim muông. Dấu hiệu đáng lo ngại là nhiều loài động vật giảm sút nhanh chóng như: Voi, hổ, tê giác, gấu, công trĩ, sao, lợn rừng... Các loài động vật sống trong vùng rừng tràm ở Đồng bằng sông Cửu Long như tôm, cua, rùa, rắn, trăn, cá, lươn, ba khía... và nhiều sản chim bị mất. Các loài chim như diệc, cò, quạ, cu xanh, két, le le... cũng bị giảm sút do rừng bị cháy, bị chất hóa học trong chiến tranh tàn phá rừng.

Cháy rừng ở Việt Nam do nhiều nguyên nhân đã kéo dài qua nhiều thập kỷ. Trước hết là do đồng bào các dân tộc miền núi, tuy số dân không nhiều, nhưng do kỹ thuật canh tác còn lạc hậu, họ phát đốt rừng làm rẫy gây cháy lan vào rừng trên các sườn dốc cao. Tình trạng du

canh, du cư, di dân tự do của hàng chục vạn người từ miền Bắc vào các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam Bộ... chặt phá, phát đốt rừng, làm rẫy, trồng cao su, cà phê, chè và một số cây nông nghiệp khác như: Ngô, khoai, sắn, lúa nương... Ngoài ra còn do đồng bào phát đốt gây cỏ non để chăn thả gia súc, đun nấu, sưởi ấm, đốt lửa để dọn cây làm đường giao thông, đi rừng thăm dò địa chất, hầm than củi, bắc dây điện cao thế qua rừng, tàu hỏa chạy qua xả than hồng ra ven rừng, đốt rừng lấy mật ong, bắt tắc kè, thu lượm kim loại nhôm, sắt vụn sản phẩm sau chiến tranh, dùng lửa xử lý thực bì trong trồng rừng, trẻ chăn trâu đốt lửa gây cháy lan vào rừng. Những nguyên nhân trên gây ra cháy rừng qua nhiều năm dẫn đến diện tích rừng của nước ta hiện nay chỉ còn độ che phủ khoảng 30%, nhiều vùng như Tây Bắc sát biên giới Lào, Trung Quốc độ che phủ chỉ còn hơn 10%.

Trước tình hình cháy rừng nghiêm trọng, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích các cộng đồng dân cư nhận đất, nhận rừng để trồng, bảo vệ, khoanh nuôi và ban hành Luật bảo vệ và phát triển rừng, Luật bảo vệ môi trường, các Nghị định, Chỉ thị về quản lý cháy rừng, thành lập lực lượng kiểm lâm từ Trung ương đến tỉnh, huyện, xã, xây dựng mạng lưới dự báo cháy rừng. Song, do điều kiện đầu tư kinh phí còn hạn chế rất nhiều, nên công tác quản lý cháy rừng đang còn gặp nhiều khó khăn, trở ngại. Để từng bước hạn chế, đi đến chấm dứt nạn cháy rừng, bảo vệ tính bền vững đa dạng sinh học của rừng, chúng tôi có một số khuyến nghị sau:

1. Việt Nam cần sớm gia nhập tổ chức quốc tế liên quốc

gia để quản lý nguồn lửa vùng rừng núi, bảo vệ nguồn gen đa dạng của thực vật, động vật rừng.

2. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục một cách thường xuyên, liên tục cho cộng đồng dân cư sống trong rừng và ven rừng nhất là đối với đồng bào vùng núi cao biên giới. Tổ chức giáo dục đồng bào định canh, định cư, ổn định đời sống, xây dựng bản làng vùng cao no ấm, văn minh, tạo ra động lực mới cho sự nghiệp bảo tồn phát triển tính đa dạng sinh học của rừng.

3. Chính phủ cần sớm sửa đổi, bổ sung và ban hành các chính sách khuyến khích, đãi ngộ đồng bào có công bảo vệ rừng, tham gia phòng cháy chữa cháy rừng, ổn định đời sống, giáo dục ý thức về môi trường, không chặt phá, phát đốt rừng làm rẫy, bảo vệ rừng, trồng rừng mới. Thường xuyên giáo dục về nghiệp vụ kỹ thuật bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường cho đội ngũ cán bộ quản lý, bảo vệ rừng và đội ngũ cán bộ hiện trường làm nhiệm vụ chuyển giao kỹ thuật cho cộng đồng dân cư sống trong rừng và ven rừng.

4. Cần có sự hỗ trợ quốc tế về vật tư, thiết bị, vô tuyến, thông tin liên lạc, phương tiện, dụng cụ chữa cháy, phương tiện phát hiện lửa và đảm bảo dự báo cháy rừng và thông tin cấp cháy thông suốt trong mọi tình huống; đào tạo, huấn luyện về kỹ thuật quản lý cháy rừng cho lực lượng quân chủng bảo vệ rừng và cán bộ nhân viên bảo vệ rừng.

5. Nhà nước cần có biện pháp chấm dứt tình trạng di dân tự do, du canh du cư phát đốt rừng làm rẫy, tăng cường kiểm tra kiểm soát quản lý rừng chặt chẽ, xử lý nghiêm minh những kẻ tàn phá rừng gây ra cháy rừng.

Biên tập: Nguyễn Công Mai

ĐẠI HỘI LẦN THỨ 14 CỦA AASSREC SẼ ĐƯỢC TỔ CHỨC TẠI VIỆT NAM

Hiệp hội các hội đồng nghiên cứu KHXH châu Á (AASSREC - association of asian Social Science Research Councils) được thành lập năm 1973 với 16 thành viên, Trung tâm KHXH&NVQG Việt Nam là thành viên thứ 16. Trong số các nước Đông Nam Á chỉ còn lại Malaixia, Xinggapo, Brunây, Campuchia, Lào và Mianma chưa tham gia AASSREC. Cứ 2 năm một lần, AASSREC tổ chức đại hội tại thủ đô các nước thành viên với các chủ đề khác nhau. Đến nay, AASSREC đã tiến hành được 13 kỳ đại hội. Tại Đại hội lần thứ 13 tổ chức tại CHDCND Triều Tiên vừa qua, các nước thành viên đã thảo luận về chương trình hành động của AASSREC giai đoạn 1999-2001, chủ đề và địa điểm của Đại hội lần thứ 14 vào năm 2001. Đại hội lần thứ 14 mang một ý nghĩa quan trọng - là Đại hội đầu tiên của AASSREC trong thế kỷ 21 - thiên niên kỷ thứ 3. Do tầm vóc của Việt Nam nói chung, nền KHXH Việt Nam nói riêng trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, AASSREC đã quyết định tổ chức Đại hội lần thứ 14 tại thủ đô Hà Nội vào tháng 10 năm 2001 và bầu GS.TS Nguyễn Duy Quý - Giám đốc Trung tâm KHXH&NVQG Việt Nam làm Chủ tịch AASSREC nhiệm kỳ 1999-2001. Chủ đề của Đại hội lần thứ 14 do Việt Nam đề xướng sẽ mang tên: "Toàn cầu hóa và tác động của nó tới tâm kích kinh tế, xã hội và văn hóa của châu Á - Thái Bình Dương".

Nguyễn Hương Giang
Tạp chí HĐKH